

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày 04-4-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ,

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thúy H1, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H2, sinh năm 1991, trú tại khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 4 năm 2022).

- Bị đơn: Ông Hồng Việt T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 04 năm 2022 của bà Trần Thúy H1 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Hoàng Trung H2 trình bày: Ông Nguyễn Minh C và bà Trần Thúy H1 là vợ chồng có mở đại lý

bán thuốc và thức ăn thủy sản do bà Trần Thúy H1 là chủ hộ đăng ký kinh doanh. Ông Hồng Việt T có mua thuốc và thức ăn thủy sản của đại lý bà Trần Thúy H1 từ năm 2016 đến ngày 20 tháng 8 năm 2018 ông T còn nợ bà H1 số tiền 559.059.000 đồng, sau đó ông T có trả được 50.000.000 đồng, còn nợ 509.059.000 đồng, nhưng tại phiên hòa giải ông T chỉ thừa nhận còn nợ ông C số tiền 404.374.000 đồng theo biên nhận ngày 24 tháng 7 năm 2016. Do đó, ông đại diện bà H1 yêu cầu ông Hồng Việt T trả cho bà H1 và ông C số tiền 404.374.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 12 năm 2022 bị đơn ông Hồng Việt T trình bày: Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Hồng Việt T tại biên nhận ngày 24 tháng 7 năm 2016 do bà H1 cung cấp là chữ ký và chữ viết của ông, ông không biết bà Trần Thúy H1 là ai và có giao dịch mua bán với bà Trần Thúy H1. Ông có mua thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản với ông Nguyễn Minh C và còn nợ ông C số tiền 404.374.000 đồng. Ông đồng ý trả cho ông C số tiền 404.374.000 đồng với điều kiện ông C phải cung cấp được hợp đồng và hóa đơn chứng từ mua bán giữa ông và ông C.

- Tại bản tự khai ngày 14 tháng 02 năm 2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C trình bày: Vào năm 2014 ông cùng vợ là bà Trần Thúy H1 có mở đại lý thức ăn, thuốc và thiết bị chuyên dùng cho nuôi trồng thủy sản, trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do bà H1 đứng tên. từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2018 ông đứng ra giao dịch bán thuốc và thức ăn thủy sản cho ông Hồng Việt T, đến ngày 20 tháng 8 năm 2018 ông T ngừng giao dịch và có xác nhận công nợ còn nợ đại lý ông số tiền 559.059.000 đồng. Sau đó ông T có trả được 50.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 509.059.000 đồng. Khi tòa án hòa giải thì ông T chỉ thừa nhận còn nợ ông số tiền 404.374.000 đồng, ông đồng ý bớt cho ông T và chỉ yêu cầu ông T trả số tiền mà ông T xác nhận còn nợ 404.374.000 đồng. Khoản ông tiền T nợ là tài sản chung của ông và bà Trần Thúy H1 nên ông yêu cầu ông Hồng Việt T phải trả cho ông và Trần Thúy H1 số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thúy H1 khởi kiện yêu cầu ông Hồng Việt T trả tiền mua thuốc và thức ăn nuôi thủy sản. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hồng Việt T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hồng Việt T. Ông Nguyễn Minh C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh C.

[3] Tại phiên tòa ông H2 đại diện cho bà Trần Thúy H1 cho rằng ông Nguyễn Minh C và bà Trần Thúy H1 là vợ chồng có mở đại lý mua bán thức ăn do bà Trần Thúy H1 làm chủ; ông Hồng Việt T có mua bán thuốc và thức ăn thủy sản do ông C là người trực tiếp giao dịch với ông T, trong quá trình mua bán thức ăn ông T còn nợ bà H1 509.059.000 đồng, nhưng ông T chỉ thừa nhận còn nợ ông C số tiền 404.374.000 đồng và theo biên nhận ông T còn nợ ông C và bà H1 số tiền 404.374.000 đồng nên ông đại diện bà H1 yêu cầu ông T trả cho bà H1 và ông C số tiền 404.374.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 12 năm 2022 ông Hồng Việt T thừa nhận có mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản còn nợ ông C số tiền 404.374.000 đồng, ông T đồng ý trả cho ông C số tiền 404.374.000 đồng với điều kiện ông C phải cung cấp hợp đồng và hóa đơn chứng từ mua bán giữa ông T và ông C. Xét thấy, việc T có mua thuốc và thức ăn nuôi thủy sản của ông C và còn nợ ông C số tiền 404.374.000 đồng là có thật vì ông T đã thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 12 năm 2022 và thể hiện tại biên nhận ngày 24 tháng 7 năm 2016 có chữ ký và chữ viết tên của ông Hồng Việt T. Khoản tiền ông T nợ ông C trong thời kỳ hôn nhân của ông C và bà H1 nên là tài sản chung của ông C và bà H1. Do đó, ông Hồng Việt T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh C và bà Trần Thúy H1 số tiền 404.374.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thúy H1 được chấp nhận nên bà H1 không phải chịu án phí, bà H1 nộp tiền tạm ứng án phí 12.181.000 đồng được nhận lại. Ông Hồng Việt T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.174.960 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H1. Buộc ông Hồng Việt T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thúy H1 và ông Nguyễn Minh C số tiền 404.374.000 đồng (bốn trăm lẻ bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Trần Thúy H1 không phải chịu án phí, bà H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 12.181.000 đồng (mười hai triệu một trăm tám mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018333 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà H1 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Hồng Việt T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 20.174.960 đồng (hai mươi triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều